

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HS-ST

Ngày 19 tháng 8 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Khiếu

Ông Võ Đức Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T**, tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 18/5/1986 tại xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Làm rẫy; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn S (đã chết) và bà Lương Thị S (đã chết); có vợ là Lo Thị Đ và 03 (ba) con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/11/2020 đến nay, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Công Th; trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1, Ông Lữ Văn N1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

2, Ông Lữ Văn K, sinh năm 1974; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

3, Anh Lữ Văn D1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

4, Anh Lữ Văn M1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

5, Bà Lữ Thị D2, sinh năm 1973; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

6, Ông Lữ Văn D3, sinh năm 1972; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

7, Ông Lo Văn S1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

8, Chị Lương Thị C, sinh năm 1992; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

9, Ông Moong Văn O, sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

10, Ông Ven Văn B, sinh năm 1977; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

11, Bà Vi Thị D4, sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

12, Ông Cụt Văn D5, sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

13, Ông Moong Văn B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

14, Anh Lô Văn N2, sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

15, Chị Moong Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

16, Ông Chích Văn M2, sinh năm 1979; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

17, Anh Lô Bún M3, sinh năm 1988; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

18, Chị Moong Thị T1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: bản HT, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Những người chứng kiến:*

1, Anh Lo Văn D6, sinh năm 1996; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

2, Anh Lữ Văn V1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

3, Anh Cụt Văn T4, sinh năm 1980; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

4, Anh Lữ Văn D7, sinh năm 1983; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

5, Chị Moong Thị M4, sinh năm 1995; Nơi cư trú: bản HT, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 56/CT-VKS-KS ngày 23/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An thì bị cáo Lương Văn T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và bị truy tố theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn T đã thừa nhận có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với các tình tiết đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, cụ thể là: Khoảng tháng 01/2018 đến tháng 9/2020, bị cáo Lương Văn T đã cho 18 (Mười tám) người dân trên địa bàn huyện KS, tỉnh Nghệ An vay tiền với 33 (Ba mươi ba) lượt, tổng số tiền cho vay là 104.000.000 đồng (Một trăm linh tư triệu đồng). Lương Văn T cho người khác vay tiền với mức lãi suất từ 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày) đến 10.000đ/1.000.000đ/ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày), tức 182,5%/năm (Một trăm tám mươi hai phẩy năm phần trăm một năm) đến 365%/năm (Ba trăm sáu mươi lăm phần trăm một năm), cao gấp 9,125 (Chín phẩy một trăm hai mươi lăm) lần đến 18,2 (Mười tám phẩy hai) lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (Hai mươi phần trăm trên một năm). Lương Văn T đã thu về số tiền lãi là 38.850.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền lãi không vượt quá mức 20%/năm là 3.961.629 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm hai chín đồng), số tiền lãi vượt quá mức 20%/năm bị cáo thu lợi bất chính là 34.888.371 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng). Cụ thể:

1. Tháng 01/2018, Lương Văn T cho anh Lữ Văn N1, sinh năm 1975, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Lúc vay tiền, anh Lữ Văn N1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 90 ngày thì anh Lữ Văn N1 đã trả tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó

số tiền gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), số tiền lãi là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), đến ngày 19/6/2018, Lương Văn T tiếp tục cho anh Lữ Văn N1 vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn N1 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn N1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 05 ngày thì anh Lữ Văn N1 đã trả tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 22.261 đồng (Hai mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Đến tháng 03/2019, Lương Văn T tiếp tục cho anh Lữ Văn N1 vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn N1 đồng ý, lúc vay tiền, anh Lữ Văn N1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 10 ngày thì anh Lữ Văn N1 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 89.042 đồng (Tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

2. Ngày 26/02/2018, Lương Văn T cho anh Lô Bún M3, sinh năm 1988, trú tại bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lô Bún M3 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lô Bún M3 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì anh Lô Bún M3 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), số tiền lãi là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 534.247 đồng (Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), đến tháng 5/2018, Lương Văn T tiếp tục cho anh Lô Bún M3 vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lô Bún M3 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lô Bún M3 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì anh Lô Bún M3 đã trả cả tiền lãi và tiền gốc là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn

đồng), trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền lãi là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 667.809 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh chín đồng). Đến ngày 02/8/2018, Lương Văn T tiếp tục cho anh Lô Bún M3 vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lô Bún M3 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lô Bún M3 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì anh Lô Bún M3 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), số tiền lãi là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 534.247 đồng (Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

3. Ngày 27/02/2018, Lương Văn T cho anh Lô Văn N2, sinh năm 1989, trú tại bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) với mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lô Văn N2 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lô Văn N2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 180 ngày thì anh Lô Văn N2 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 3.402.740 đồng (Ba triệu bốn trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

4. Ngày 07/4/2018, Lương Văn T cho chị Moong Thị H, sinh năm 1992, trú tại bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Moong Thị H đồng ý. Lúc vay tiền, chị Moong Thị H không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 12 ngày thì chị Moong Thị H đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 3.180.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền lãi là 180.000 đồng (Một trăm tám mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 160.274 đồng (Một trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

5. Ngày 20/4/2018, Lương Văn T cho anh Moong Văn B, sinh năm 1975, trú tại bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 1.000.000 đồng (Một

triệu đồng) với mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Moong Văn B đồng ý. Lúc vay tiền, anh Moong Văn B không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày anh Moong Văn B đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 283.562 đồng (Hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Đến tháng 10/2019, Lương Văn T tiếp tục cho anh Moong Văn B vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Moong Văn B đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Moong Văn B không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 50 ngày thì anh Moong Văn B đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 472.603 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

6. Tháng 5/2018, Lương Văn T cho anh Lữ Văn K, sinh năm 1974, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn K đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn K không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 20 ngày thì anh Lữ Văn K đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 178.083 đồng (Một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Đến tháng 9/2018, Lương Văn T tiếp tục cho anh Lữ Văn K vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn K đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn K không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 10 ngày thì anh Lữ Văn K đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), số tiền lãi bất chính là 44.521 đồng (Bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

7. Ngày 17/5/2018, Lương Văn T cho chị Lương Thị C, sinh năm 1992, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lương Thị C đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lương Thị C không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 90 ngày thì chị Lương Thị C đã trả tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 801.370 đồng (Tám trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Đến tháng 7/2019, Lương Văn T tiếp tục cho chị Lương Thị C vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lương Thị C đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lương Thị C không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 80 ngày thì chị Lương Thị C đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 712.329 đồng (Bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Đến ngày 24/9/2019, Lương Văn T lại tiếp tục cho chị Lương Thị C vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lương Thị C đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lương Thị C không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 120 ngày thì chị Lương Thị C đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền lãi là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

8. Ngày 01/7/2018, Lương Văn T cho anh Chích Văn M2, sinh năm 1979, trú tại bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Chích Văn M2 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Chích Văn M2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 205 ngày thì anh Chích Văn M2 đã trả cho Lương Văn T tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu

đồng), số tiền lãi là 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 9.126.713 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng).

9. Ngày 02/8/2018, Lương Văn T cho chị Moong Thị T1, sinh năm 1988, trú tại bản HT, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Moong Thị T1 đồng ý. Lúc vay tiền, chị Moong Thị T1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày chị Moong Thị T1 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 1.780.822 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

10. Ngày 24/9/2018, Lương Văn T cho anh Cụt Văn D5, sinh năm 1975, trú tại bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Cụt Văn D5 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Cụt Văn D5 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 90 ngày thì anh Cụt Văn D5 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), số tiền lãi là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); đến ngày 04/02/2019, Lương Văn T tiếp tục cho anh Cụt Văn D5 vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Cụt Văn D5 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Cụt Văn D5 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 24 ngày thì anh Cụt Văn D5 đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 2.240.000 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 213.699 đồng (Hai trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Đến ngày 28/02/2019, Lương Văn T lại tiếp tục cho anh Cụt Văn D5 vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Cụt Văn D5 đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Cụt Văn D5 không phải viết giấy nợ cũng không

phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 15 ngày thì anh Cụt Văn D5 đã trả cho Lương Văn T số tiền cả tiền lãi và tiền gốc là 1.075.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 66.781 (sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

11. Ngày 16/10/2018, Lương Văn T cho chị Lữ Thị D2, sinh năm 1973, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lữ Thị D2 đồng ý vay. Lúc vay tiền, chị Lữ Thị D2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 07 ngày thì chị Lữ Thị Diệu đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 2.070.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 62.329 đồng (Sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng). Đến ngày 12/12/2018, Lương Văn T tiếp tục cho chị Lữ Thị D2 vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lữ Thị D2 đồng ý vay. Lúc vay tiền, chị Lữ Thị D2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 05 ngày thì chị Lữ Thị D2 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 22.261 đồng (Hai mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Đến tháng 6/2019, Lương Văn T lại tiếp tục cho chị Lữ Thị D2 vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lữ Thị D2 đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lữ Thị D2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì chị Lữ Thị D2 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), số tiền lãi là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 400.685 đồng (Bốn trăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng). Đến tháng 8/2019, Lương Văn T lại cho chị Lữ Thị D2 vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lữ Thị D2 đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lữ Thị D2

không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì chị Lữ Thị D2 đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 267.124 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng). Tháng 10/2019, Lương Văn T tiếp tục cho chị Lữ Thị D2 vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Lữ Thị D2 đồng ý. Lúc vay tiền, chị Lữ Thị D2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 30 ngày thì chị Lữ Thị D2 đến tại nhà Lương Văn T để trả tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 534.247 đồng (Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

12. Ngày 19/12/2018, Lương Văn T cho chị Vi Thị D4, sinh năm 1975, trú tại bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) với mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được chị Vi Thị D4 đồng ý vay. Lúc vay tiền, chị Vi Thị D4 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 100 ngày thì chị Vi Thị D4 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu đồng), số tiền lãi là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 945.206 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng).

13. Tháng 01/2019, Lương Văn T cho anh Lữ Văn D3, sinh năm 1972, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn D3 đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn D3 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 45 ngày thì anh Lữ Văn D3 đã trả cho Lương Văn T số tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền lãi là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 4.006.850 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng).

14. Tháng 01/2019, Lương Văn T cho anh Lữ Văn D1, sinh năm 1984, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn D1 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn D1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 04 ngày thì anh Lữ Văn D1 đến tại nhà Lương Văn T để trả tiền nợ cả tiền lãi và tiền gốc là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền lãi là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 89.042 đồng (Tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng). Đến tháng 9/2019, Lương Văn T cho anh Lữ Văn D1 vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn D1 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn D1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 08 ngày thì anh Lữ Văn D1 trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền lãi là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 178.083 đồng (Một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

15. Ngày 08/3/2019, Lương Văn T cho anh Lữ Văn M1, sinh năm 1987, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lữ Văn M1 đồng ý. Lúc vay tiền, anh Lữ Văn M1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 07 ngày thì anh Lữ Văn M1 đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 1.035.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 31.165 đồng (Ba mươi một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

16. Ngày 15/3/2019, Lương Văn T cho anh Ven Văn B, sinh năm 1977, trú tại bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Ven Văn B đồng ý. Lúc vay tiền, anh Ven Văn B không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 360 ngày thì anh Ven Văn B đã trả cho Lương Văn T cả tiền lãi và tiền gốc là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 1.800.000

đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

17. Tháng 5/2019, Lương Văn T cho anh Lo Văn S1, sinh năm 1965, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lo Văn S1 đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Lo Văn S1 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 300 ngày thì anh Lo Văn S1 đã trả cho Lương Văn T số tiền cả tiền lãi và tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 2.671.233 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

18. Ngày 05/12/2019, Lương Văn T cho anh Moong Văn O, sinh năm 1975, trú tại bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Moong Văn O đồng ý. Lúc vay tiền, anh Moong Văn O không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác. Sau 40 ngày thì anh Moong Văn O trả cho Lương Văn T số tiền cả gốc và lãi là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số tiền lãi là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), Lương Văn T thu về số tiền lãi bất chính là 178.083 đồng (Một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm) trong 33 lần bị cáo cho người khác vay tiền là 34.888.371 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng).

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo thì vào tháng 11/2019, Lương Văn T cho anh Lương Văn C2, sinh năm 1992, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Mức lãi suất này là do Lương Văn T đề ra và được anh Lương Văn C2 đồng ý vay. Lúc vay tiền, anh Lương Văn C2 không phải viết giấy nợ cũng không phải thế chấp tài sản gì khác, tuy nhiên đến thời điểm vụ án bị phát giác, anh Lương Văn C2 chưa trả số tiền gốc và lãi cho Lương Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt tiền (là hình phạt chính) đối với bị cáo Lương Văn T từ

50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, giải quyết các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận tội và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng truy tố, như vậy Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Khoảng từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2020 bị cáo Lương Văn T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất cao gấp 9,125 (Chín phẩy một trăm hai mươi lăm) lần đến 18,2 (Mười tám phẩy hai) lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự đối với 33 lượt vay cho người 18 người, thu lợi bất chính số tiền 34.888.371 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng). Vì vậy, hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Riêng đối với khoản vay của anh Lương Văn C2 (sinh năm 1992, trú tại bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) với số tiền vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một

triệu đồng trên một ngày). Tuy nhiên do anh Lương Văn C2 chưa trả số tiền gốc và lãi cho Lương Văn T vì vậy không có căn cứ để xác định mức thu lợi bất chính của bị cáo trong khoản vay này.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn và sự thiếu hiểu biết của người dân để cho vay tiền với lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định để thu lợi bất chính, hành vi đó làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý bị cáo Lương Văn T nghiêm minh trước pháp luật, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng thấy, bị cáo vi phạm lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi xem xét lượng hình cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp:

[4.1] Thấy rằng bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, do đó Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4.2] Đối với số tiền gốc 104.000.000 đồng (Một trăm linh tư triệu đồng) mà bị cáo Lương Văn T sử dụng cho 18 cá nhân vay với lãi suất cao gấp 9,125 lần đến 18,2 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên được xác định là phương tiện phạm tội vì vậy cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Đối với khoản tiền lãi 3.961.629 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng) không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo Lương Văn T đã thu của 18 cá nhân vay. Đây là số tiền mà bị cáo thu được từ việc phạm tội mà có nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] Đối với khoản tiền lãi 34.888.371 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy một đồng) mà bị cáo Lương Văn T đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm 18 người) vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự thì đây tiền bị người phạm tội chiếm đoạt của người khác nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Do đó cần buộc bị cáo Lương Văn T phải bồi thường cho các chủ sở hữu hợp pháp.

[5] Vật chứng vụ án: 02 (hai) quyển vở ô ly nhãn hiệu AN THÀNH, bìa màu xanh, kích thước 158mm x 205mm (một trăm năm mươi tám milimét nhân hai trăm linh năm milimét), bên trong có ghi nhiều chữ và số; 01 (một) quyển vở kẻ ngang nhãn hiệu ĐỨC THÀNH, bìa màu hồng, kích thước 170mm x 240mm (một trăm bảy mươi milimét nhân hai trăm bốn mươi milimét), bìa được bọc bằng bao potylen màu trắng, bên trong có nhiều chữ và số. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy;

Đối với số tiền 34.890.000 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án đồng thời cũng là bên có nghĩa vụ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt tiền (là hình phạt chính) đối với bị cáo Lương Văn T số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Các biện pháp tư pháp:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy tịch thu của bị cáo Lương Văn T số tiền 104.000.000 đồng (Một trăm linh tư triệu đồng) là số tiền mà bị cáo Lương Văn T sử dụng là phương tiện phạm tội để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy tịch thu của bị cáo Lương Văn T số tiền 3.961.629 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng) là tiền mà bị cáo thu được từ việc phạm tội mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lương Văn T phải bồi thường số tiền thu lợi bất chính đã chiếm đoạt là 34.888.371 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng) cho các chủ sở hữu hợp pháp sau:

- Bồi thường cho ông Lữ Văn N1 (sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.714.043 đồng (Một triệu bảy trăm mười bốn nghìn không trăm bốn mươi ba đồng);

- Bồi thường cho ông Lô Bún M3 (sinh năm 1988; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.736.303 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm linh ba đồng);

- Bồi thường cho ông Lô Văn N2 (sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 3.402.740 đồng (Ba triệu bốn trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng);

- Bồi thường cho chị Moong Thị H (sinh năm 1992; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 160.274 đồng (Một trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng);

- Bồi thường cho ông Moong Văn B (sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 756.165 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng);

- Bồi thường cho anh Lữ Văn K (sinh năm 1974; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 222.604 đồng (Hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm linh bốn đồng);

- Bồi thường cho chị Lương Thị C (sinh năm 1992; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 3.116.439 đồng (Ba triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng);

- Bồi thường cho anh Chích Văn M2 (sinh năm 1979; Nơi cư trú: bản CL, xã HL, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 9.126.713 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng);

- Bồi thường cho chị Moong Thị T1 (sinh năm 1988; Nơi cư trú: bản HT, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.780.822 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng);

- Bồi thường cho anh Cụt Văn D5 (sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.883.220 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi đồng);

- Bồi thường cho chị Lữ Thị D2 (sinh năm 1973; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.286.646 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng);

- Bồi thường cho chị Vi Thị D4 (sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 945.206 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng);

- Bồi thường cho anh Lữ Văn D3 (sinh năm 1972; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 4.006.850 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng);

- Bồi thường cho anh Lữ Văn D1 (sinh năm 1984; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 267.125 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng);

- Bồi thường cho anh Lữ Văn M1 (sinh năm 1987; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 31.165 đồng (Ba mươi một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng);

- Bồi thường cho anh Ven Văn B (sinh năm 1977; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.602.740 đồng (Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng);

- Bồi thường cho anh Lo Văn S1 (sinh năm 1965; Nơi cư trú: bản ĐS1, xã HK, huyện KS, tỉnh Nghệ An) số tiền 2.671.233 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng);

- Bồi thường cho anh Moong Văn O (sinh năm 1975; Nơi cư trú: bản ĐS2, xã HK, huyện KS) số tiền 178.083 đồng (Một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án có phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, điểm a, b và c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) quyển vở ô ly nhãn hiệu AN THÀNH, bìa màu xanh, kích thước 158mm x 205mm (một trăm năm mươi tám milimét nhân hai trăm linh năm milimét), bên trong có ghi nhiều chữ và số; 01 (một) quyển vở kẻ ngang nhãn hiệu ĐỨC THÀNH, bìa màu hồng, kích thước 170mm x 240mm (một trăm bảy mươi milimét nhân hai trăm bốn mươi milimét), bìa được bọc bằng bao potylen màu trắng, bên trong có nhiều chữ và số. Vật chứng đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện KS quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 34.890.000 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo hiện đang có tại tài khoản tạm giữ của Công an huyện KS mở tại Kho bạc Nhà nước huyện KS theo giấy nộp tiền ngày 11/01/2021 để đảm bảo cho việc thi hành án về bồi thường thiệt hại;

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.744.418 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm mười tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên bố: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/8/2021); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/8/2021); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KS;
- Công an huyện KS (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- Chi cục THA dân sự huyện KS;
- Bị cáo, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc